

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2021
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ Lul.
2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST – DS, ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST - DS, ngày 04/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS, ngày 01/3/2021 và thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 01/2021/TB-TA ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) T Việt Nam.

Địa chỉ: Số XX Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Q. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. (Theo văn bản ủy quyền số 266/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/3/2020 về việc ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng).

Địa chỉ: 01 Đ, thành phố K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T Việt Nam (Ngân hàng) trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 789/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYENVANTHANH ngày 24/5/2019, ông Nguyễn Văn T đã vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) với mục đích chăm sóc vườn cà phê, tiêu. Thời hạn trả nợ lần 1 vào ngày 25/10/2019 với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lần 2 vào ngày 24/5/2020 với số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Lãi suất cho vay là 10.3%/năm (áp dụng lãi suất thả nổi), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 3a, tờ bản đồ số 18, diện tích 7027 m², địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai, đã được UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 642285 ngày 07/5/2014 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1038/HĐTC ngày 17/5/2016, công chứng ngày 18/5/2016 tại Văn phòng công chứng P, tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/5/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện P.

Sau khi vay ông Nguyễn Văn T đã trả tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 14/10/2019. Đến thời hạn trả nợ gốc lần đầu tiên vào 25/9/2019, ông Nguyễn Văn T không trả được. Ngân hàng đã thông báo, mời làm việc nhưng ông T không đến làm việc. Ngày 26/10/2019, toàn bộ số tiền vay của ông Nguyễn Văn T đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo chuyển nợ quá hạn, nhưng ông T và bà H không hợp tác, không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai các khoản tiền sau: Nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2021 là 39.650.878 đồng (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng là 29.510.137 đồng (*Hai mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), nợ lãi quá hạn là 10.140.741 đồng (*Mười triệu, một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng*). Tổng cộng: 239.650.878 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*).

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn T và bà

Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, ông bà không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa ông bà cũng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự và các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/4/2021 là 239.650.878 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*). Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 642285 ngày 07/5/2014 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp giữa các bên khi ông bà thanh toán hết nợ. Trong trường hợp ông T, bà H không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền để thu hồi nợ. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP T Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng* » giữa Ngân hàng với bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do

vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Hình thức và nội dung Hợp đồng cho vay từng lần số 789/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYENVANTHANH ngày 24/5/2019 mà hai bên ký kết phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày các bên xác lập.

Xét thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn có chữ ký của bà H, ông T. Tại mục 7 của giấy này thể hiện Bà H ủy quyền cho Ông T đại diện ký và thực hiện hợp đồng vay, giấy nhận nợ.... Bà H và ông T cùng ký thế chấp tài sản cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay trên. Do vậy, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng.

Ông T và bà H chỉ mới trả tiền lãi cho Ngân hàng đến ngày 14/10/2019. Theo Hợp đồng tín dụng thì ngày 25/10/2019 ông T, bà H phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nhưng ông T, bà H đã không trả được nợ. Ngày 26/10/2019 toàn bộ số tiền vay tại Hợp đồng cho vay đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy chế của Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo chuyển nợ quá hạn nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP T Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Nợ lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2021 là 39.650.878 đồng (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*). Trong đó, nợ lãi trong hạn theo hợp đồng là 29.510.137 đồng (*Hai mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), nợ lãi quá hạn là 10.140.741 đồng (*Mười triệu, một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng*). Tổng cộng: 239.650.878 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*).

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hình thức và nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1038/HĐTC ngày 17/5/2016, công chứng ngày 18/5/2016 tại Văn phòng công chứng P, tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17/5/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện P giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự. Ngày 22/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra hiện trạng sử dụng xác định được hiện trạng sử dụng đất có ranh giới tứ cận, vị trí, tờ bản đồ đất phù hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 642285, cấp ngày 07/5/2014. Tại thời điểm thẩm định tài sản không có tranh chấp

với bên thứ ba nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 642285, cấp ngày 07/5/2014 mà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp ông bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại 3.000.000 đ (*Ba triệu đồng*) cho Ngân hàng, phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 467, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là: 239.650.878 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*). Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); nợ lãi phát sinh tạm tính từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/4/2021 là 39.650.878 đồng (*Ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 642285, cấp ngày 07/5/2014 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H khi ông bà thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông bà đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1038/HĐTC, ngày 17/5/2016 để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.982.543 đồng (Mười một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) [(239.650.878 đồng x 5%)] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP T Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai tạm ứng án phí đã nộp là 5.410.974 đồng (Năm triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm bảy mươi tư đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003027 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dịu